

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Trần Văn Dư	Thành viên
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: 681 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.972.618.212.272	7.479.970.292.640
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	713.868.733.230	1.186.893.688.723
1. Tiền	111		31.855.154.711	40.893.688.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		682.013.578.519	1.146.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.199.610.838.721	4.139.361.450.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.466.792.190.207	2.141.587.608.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.386.204.582	509.429.422
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	735.000.000.000	2.000.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		415.127.287	857.722.580
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.982.683.355)	(3.593.310.271)
IV. Hàng tồn kho	140	10	660.122.495.795	704.979.615.572
1. Hàng tồn kho	141		841.308.740.312	882.797.762.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(181.186.244.517)	(177.818.147.313)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.664.179.453	2.883.573.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		762.884.505	1.318.605.884
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	3.901.294.948	1.564.967.185
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.096.656.681.309	3.844.111.113.773
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.350.000.000.000	350.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	2.350.000.000.000	350.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		425.271.993.431	854.126.274.400
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	420.545.620.530	844.523.621.623
- Nguyên giá	222		13.460.011.147.034	13.431.701.378.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.039.465.526.504)	(12.587.177.756.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.726.372.901	9.602.652.777
- Nguyên giá	228		58.779.299.156	57.787.131.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.052.926.255)	(48.184.478.379)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		305.314.133.232	241.597.640.218
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	305.314.133.232	241.597.640.218
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.012.124.664.178	2.394.880.013.380
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	6	1.257.861.487.283	1.311.576.705.526
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(446.949.002.346)	(121.984.852.637)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		114.075.981.250	118.151.962.500
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.945.890.468	3.507.185.775
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.945.890.468	3.507.185.775
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.069.274.893.581	11.324.081.406.413

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.330.328.449.828	5.608.118.987.163
I. Nợ ngắn hạn	310		1.319.041.005.775	1.525.606.912.043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	429.551.053.378	326.132.997.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		538.988.080	162.756.018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	30.674.126.967	175.898.742.703
4. Phải trả người lao động	314		104.329.109.419	106.058.892.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	343.357.792.195	308.136.084.547
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.518.213.476	260.518.103.044
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	348.807.603.594	326.600.968.547
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.264.118.666	22.098.366.920
II. Nợ dài hạn	330		4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.738.946.443.753	5.715.962.419.250
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.738.946.443.753	5.715.962.419.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	157.128.522.365	157.128.522.365
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	493.148.698.983	481.135.503.956
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.912.749.706.325	1.899.344.385.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.352.098.927.440	854.638.988.799
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		560.650.778.885	1.044.705.397.065
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		39.172.244.929	41.606.735.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.069.274.893.581	11.324.081.406.413

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	7.664.947.910.231	7.481.943.053.019
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		7.664.947.910.231	7.481.943.053.019
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	6.701.331.013.762	6.984.692.900.556
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		963.616.896.469	497.250.152.463
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	343.393.024.407	1.055.226.537.734
6. Chi phí tài chính	22	26	733.022.458.924	142.870.393.987
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.228.756.089	138.841.465.702
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		103.650.929.242	106.537.523.669
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		470.336.532.710	1.303.068.772.541
9. Thu nhập khác	31		20.508.923.132	20.142.597.281
10. Chi phí khác	32		1.029.675.971	11.707.015.266
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		19.479.247.161	8.435.582.015
12. Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết	24		114.675.674.354	(9.991.103.016)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		604.491.454.225	1.301.513.251.540
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	38.720.332.325	247.399.138.867
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		565.771.121.900	1.054.114.112.673
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		560.650.778.885	1.044.705.397.065
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.120.343.015	9.408.715.608
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.778	3.115

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	604.491.454.225	1.301.513.251.540
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	458.197.337.934	700.605.926.145
Các khoản dự phòng	03	332.721.619.997	2.419.713.457
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	203.313.279.013	(585.950.726.854)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(458.051.316.816)	(450.477.359.964)
Chi phí lãi vay	06	120.228.756.089	138.841.465.702
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.260.901.130.442	1.106.952.270.026
Thay đổi các khoản phải thu	09	719.558.758.792	(842.028.989.541)
Thay đổi hàng tồn kho	10	41.489.022.573	231.721.717.518
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	394.778.338.898	381.358.110.464
Thay đổi chi phí trả trước	12	117.016.686	1.663.858.797
Tiền lãi vay đã trả	14	(120.607.420.109)	(146.301.864.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(185.072.382.597)	(396.655.209.670)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.240.766.916	3.245.965.862
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(37.004.916.254)	(26.344.587.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.075.400.315.347	313.611.271.477
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(294.290.301.559)	(199.641.698.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	49.636.360	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.715.000.000.000)	(3.954.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.031.500.000.000	4.261.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(27.600.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	401.594.286.824	468.152.974.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.576.146.378.375)	548.111.275.606
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(332.616.810.965)	(379.796.632.147)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(639.662.081.500)	(480.691.356.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(972.278.892.465)	(860.487.989.122)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(473.024.955.493)	1.234.557.961
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.186.893.688.723	1.185.659.130.762
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	713.868.733.230	1.186.893.688.723

Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0800296853 ngày 10 tháng 5 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định Số 3024/QĐ-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.328 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.359).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư, thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với khoản mục “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ động.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	11.313.454	85.667.139
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.843.841.257	40.808.021.584
Các khoản tương đương tiền (i)	682.013.578.519	1.146.000.000.000
	713.868.733.230	1.186.893.688.723

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.508.427.946.323	2.508.427.946.323	1.564.003.927.573	1.564.003.927.573
a1) Ngắn hạn	2.394.351.965.073	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073	1.445.851.965.073
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.380.000.000.000	2.380.000.000.000	1.430.000.000.000	1.430.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác (ii)	14.351.965.073	14.351.965.073	15.851.965.073	15.851.965.073
a2) Dài hạn	114.075.981.250	114.075.981.250	118.151.962.500	118.151.962.500
- Trái phiếu (iii)	114.075.981.250	114.075.981.250	118.151.962.500	118.151.962.500

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ ba tháng đến một năm và được tính lãi theo lãi suất cố định.

(ii) Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC).

(iii) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại bắt đầu từ ngày 19 tháng 5 năm 2016.

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	-
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng</i>	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	-
b2) Đầu tư vào đơn vị khác	1.087.136.197.991	446.949.002.346	1.087.136.197.991	121.984.852.637
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh</i>	817.295.117.400	406.527.921.755	817.295.117.400	84.042.772.046
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa</i>	46.498.000.000	39.128.000.000	46.498.000.000	36.649.000.000
<i>Công ty Cổ phần EVN Quốc tế</i>	70.800.000.000	-	70.800.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn</i>	50.250.000.000	-	50.250.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam</i>	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
<i>Đầu tư khác</i>	2.293.080.591	1.293.080.591	2.293.080.591	1.293.080.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các giao dịch giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về Công ty liên doanh, liên kết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015</u>	<u>Hoạt động chính</u>
VND					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97	25,97	1.257.861.487.283	Sản xuất điện

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá gốc của khoản đầu tư	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(193.194.282.867)	(139.479.064.624)
	<u>1.257.861.487.283</u>	<u>1.311.576.705.526</u>

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tiền điện	1.293.207.995.747	2.014.308.455.825
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	95.246.982.602	72.534.322.444
Phải thu khách hàng khác	78.337.211.858	54.744.830.203
	<u>1.466.792.190.207</u>	<u>2.141.587.608.472</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Phải thu về cho vay				
Phải thu về cho vay ngắn hạn (i)	735.000.000.000	735.000.000.000	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (ii)	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000
	3.085.000.000.000	3.085.000.000.000	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000

(i) Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền Tổng Công ty Phát điện 2 - trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty theo hợp đồng huy động vốn số 01/2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Công ty đã giải ngân cho vay theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số 01/01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 07 tháng 7 năm 2015 với số tiền là 435 tỷ đồng, thời hạn huy động vốn 1 năm từ ngày 07 tháng 7 năm 2015. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày cuối cùng hàng quý. Khoản vay có lãi suất là 6,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày 07 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 và được tính bằng bình quân lãi suất huy động 12 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày đầu tiên hàng quý cộng biên 0,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo.
- Khế ước nhận nợ số 02/01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 10 năm 2015 với số tiền là 300 tỷ đồng, thời hạn huy động vốn 1 năm từ ngày 19 tháng 10 năm 2015. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày cuối cùng hàng quý. Khoản vay có lãi suất là 6,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày 19 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được tính bằng bình quân lãi suất huy động 12 tháng của 04 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày đầu tiên hàng quý cộng biên 0,5%/năm cho các kỳ tính lãi tiếp theo.

(ii) Phải thu về cho vay dài hạn bao gồm khoản:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu với số tiền là 350 tỷ đồng. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- Ủy thác quản lý vốn tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm: phụ lục gia hạn hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 01-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1 nghìn tỷ đồng có thời hạn từ ngày 20 tháng 8 năm 2015 đến ngày 20 tháng 8 năm 2019 và hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 02-2013/UTQLV/PPC-EVN với số tiền là 1 nghìn tỷ đồng có thời hạn từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC)	17.373.269.590	7.326.894.041	17.373.269.590	3.021.304.520
Các đối tượng khác	1.148.719.208	655.789.314	1.256.283.407	572.005.751
Cộng	18.521.988.798	7.982.683.355	18.629.552.997	3.593.310.271

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	832.548.304.142	(181.186.244.517)	876.465.219.898	(177.818.147.313)
Công cụ, dụng cụ	7.575.698.287	-	5.283.508.440	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.759.541	-	54.990.423	-
Thành phẩm	1.157.978.342	-	994.044.124	-
Cộng	841.308.740.312	(181.186.244.517)	882.797.762.885	(177.818.147.313)

Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu bao gồm than, dầu sử dụng cho các tổ máy phát điện và vật tư tồn kho được mua với mục đích sửa chữa thường xuyên và cho các công trình sửa chữa lớn.

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng bổ sung giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.368.097.204 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.910.507.978 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Các loại thuế khác	1.564.967.185	1.378.105.661	3.714.433.424	3.901.294.948
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>1.564.967.185</i>	<i>1.378.105.661</i>	<i>3.714.433.424</i>	<i>3.901.294.948</i>
Cộng	1.564.967.185	1.378.105.661	3.714.433.424	3.901.294.948
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	12.704.140.274	175.097.059.807	169.769.527.890	18.031.672.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp	156.214.091.758	38.720.332.325	185.072.382.597	9.862.041.486
Thuế tài nguyên	3.093.631.824	25.509.369.924	26.062.823.658	2.540.178.090
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	14.146.302.310	14.146.302.310	-
Các loại thuế khác	341.608.880	26.010.342	367.619.222	-
Các khoản phải nộp khác	3.545.269.967	2.780.440.800	6.085.475.567	240.235.200
Cộng	175.898.742.703	256.279.515.508	401.504.131.244	30.674.126.967

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIEỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	1.712.161.044.163	11.590.075.300.585	85.651.135.136	41.144.635.445	2.669.262.740	13.431.701.378.069
Mua sắm mới	-	12.315.571.000	2.118.738.545	181.835.546	-	14.616.145.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.533.267.935	9.119.703.439	-	-	81.772.500	13.734.743.874
Phân loại lại	-	(841.785.000)	-	841.785.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.120.000)	-	-	(41.120.000)
Tại ngày 31/12/2015	1.716.694.312.098	11.610.668.790.024	87.728.753.681	42.168.255.991	2.751.035.240	13.460.011.147.034
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	1.345.742.781.798	11.133.176.341.939	67.669.683.048	38.398.912.616	2.190.037.045	12.587.177.756.446
Trích khấu hao trong năm	39.969.994.563	406.262.293.818	4.111.825.258	1.654.324.314	330.452.105	452.328.890.058
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.120.000)	-	-	(41.120.000)
Tại ngày 31/12/2015	1.385.712.776.361	11.539.438.635.757	71.740.388.306	40.053.236.930	2.520.489.150	13.039.465.526.504
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	330.981.535.737	71.230.154.267	15.988.365.375	2.115.019.061	230.546.090	420.545.620.530
Tại ngày 31/12/2014	366.418.262.365	456.898.958.646	17.981.452.088	2.745.722.829	479.225.695	844.523.621.623

Nguyên giá của TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 9.039 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.438 tỷ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Đơn vị: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	57.414.901.632	372.229.524	57.787.131.156
Tăng trong năm	-	992.168.000	992.168.000
Tại ngày 31/12/2015	57.414.901.632	1.364.397.524	58.779.299.156
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	47.812.248.855	372.229.524	48.184.478.379
Khấu hao trong năm	5.676.444.996	192.002.880	5.868.447.876
Tại ngày 31/12/2015	53.488.693.851	564.232.404	54.052.926.255
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	3.926.207.781	800.165.120	4.726.372.901
Tại ngày 31/12/2014	9.602.652.777	-	9.602.652.777

14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	304.939.840.134	240.169.166.127
Xây dựng cơ bản khác	374.293.098	1.428.474.091
	305.314.133.232	241.597.640.218

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (i)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (i)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (ii)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
Tổng	1.087.136.197.991	1.087.136.197.991
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(446.949.002.346)	(121.984.852.637)
Đầu tư thuần	640.187.195.645	965.151.345.354

(i) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10,61% và 19,30%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(ii) Đầu tư chứng khoán khác: khoản đầu tư 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã được trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam	86.461.040.881	86.461.040.881	84.037.807.355	84.037.807.355
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng	90.059.094.931	90.059.094.931	10.286.908.363	10.286.908.363
Công ty Kinh doanh Than Bắc Lạng	84.160.576.569	84.160.576.569	37.213.048.412	37.213.048.412
Công ty Cổ phần Việt Long	79.275.850.818	79.275.850.818	103.562.193.475	103.562.193.475
Các khách hàng khác	89.594.490.179	89.594.490.179	91.033.040.014	91.033.040.014
	429.551.053.378	429.551.053.378	326.132.997.619	326.132.997.619

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi vay phải trả	33.681.734.223	34.060.398.243
Sửa chữa lớn	304.939.840.134	240.169.166.127
Trích trước tiền điện tự dùng	3.183.351.607	31.278.091.043
Các khoản khác	1.552.866.231	2.628.429.134
	343.357.792.195	308.136.084.547

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	608.824.439	848.715.210
Bảo hiểm xã hội	889.207.934	763.797.273
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.638.065.626	255.764.610.326
Các khoản khác	5.382.115.477	3.140.980.235
	8.518.213.476	260.518.103.044

CÔNG TY CỔ PHẦN NHRIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	4.409.113.043.667	4.409.113.043.667	-	332.616.810.965	283.598.814.945	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647
	4.409.113.043.667	4.409.113.043.667	-	332.616.810.965	283.598.814.945	4.360.095.047.647	4.360.095.047.647

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bản giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	348.807.603.594	326.600.968.547
Trong năm thứ hai	348.807.603.594	326.600.968.547
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.046.422.810.782	979.802.905.641
Sau năm năm	2.616.057.029.677	2.776.108.200.932
	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở thuyết minh vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)</i>	348.807.603.594	326.600.968.547
Số phải trả sau 12 tháng	4.011.287.444.053	4.082.512.075.120

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phòng Phà Lại, thị xã Chí Linh

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ Đầu tư		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014 (trình bày lại)	3.262.350.000.000	-	157.128.522.365	(125.602.728.849)	-	385.983.045.456	1.717.241.479.607	5.397.100.318.579	1.044.705.397.065	1.044.705.397.065	5.397.100.318.579
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	95.152.458.500	(141.104.385.700)	(45.951.927.200)	(477.231.921.000)	(477.231.921.000)	(477.231.921.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.262.350.000.000	-	157.128.522.365	(125.602.728.849)	-	481.135.503.956	1.899.344.385.864	5.674.355.683.336	560.650.778.885	560.650.778.885	5.674.355.683.336
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	12.013.195.027	(74.979.029.027)	(62.965.834.000)	(381.785.536.800)	(381.785.536.800)	(62.965.834.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(Giảm) khác lợi ích trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	3.262.350.000.000	-	157.128.522.365	(125.602.728.849)	-	493.148.698.983	1.912.749.706.325	5.699.774.198.824	(90.480.892.597)	(90.480.892.597)	5.699.774.198.824

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phà Lại, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2014 của Công ty mẹ như sau:

- Chia cổ tức cho cổ đông: 381.785.536.800 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 58.832.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10.287.063.027 VND;
- Trích quỹ thưởng ban điều hành: 329.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 10 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính hợp nhất.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	7.528.551.923.425	7.405.447.976.131
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.527.230.631.930	7.403.368.716.131
Điện tự dùng	1.321.291.495	2.079.260.000
Hoạt động khác	136.395.986.806	76.495.076.888
Doanh thu hoạt động khác	136.395.986.806	76.495.076.888
	7.664.947.910.231	7.481.943.053.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	6.623.699.394.602	6.968.010.562.663
Chi phí than, dầu	5.444.414.649.780	5.450.930.331.668
Chi phí khấu hao	439.280.044.577	678.244.901.756
Chi phí sửa chữa lớn	169.518.899.614	381.850.773.470
Chi phí sửa chữa thường xuyên	162.328.227.944	143.507.307.790
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	230.395.263.129	213.208.318.515
Chi phí phụ liệu	116.853.598.400	20.013.425.553
Chi phí khác	60.908.711.158	80.255.503.911
Hoạt động khác	77.631.619.160	16.682.337.893
	6.701.331.013.762	6.984.692.900.556

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.653.059.170.572	5.403.222.906.531
Chi phí nhân công	395.323.919.628	394.437.440.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	456.121.745.187	698.090.075.822
Chi phí sửa chữa lớn	169.518.899.614	381.850.773.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.410.419.900	49.429.520.935
Chi phí khác	110.547.788.103	164.199.707.221
	6.804.981.943.004	7.091.230.424.225

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.884.274.407	327.972.381.153
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	-	47.835.221.348
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	594.751.685.233
Cổ tức được nhận	8.508.750.000	84.667.250.000
	343.393.024.407	1.055.226.537.734

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	120.228.756.089	138.841.465.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	283.598.814.945	4.080.050.325
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	324.964.149.709	(871.000.000)
Chi phí tài chính khác	4.230.738.181	819.877.960
	733.022.458.924	142.870.393.987

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập chịu thuế	484.846.154.132	937.545.111.269
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập từ hoạt động chính	848.077.480.531	86.005.700.657
Thu nhập từ hoạt động khác	(363.231.326.399)	851.539.410.612
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	7,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.366.363.835	193.789.097.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (i)	353.968.490	53.610.040.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.720.332.325	247.399.138.867

(i) Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung trong năm thể hiện chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	565.771.121.900	1.054.114.112.673
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	(62.965.834.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	565.771.121.900	991.148.278.673
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	318.154.614	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.778	3.115

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	713.868.733.230	1.186.893.688.723
Nợ thuần	3.646.226.314.417	3.222.219.354.944
Vốn chủ sở hữu	5.738.946.443.753	5.715.962.419.250
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,64	0,56

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.868.733.230	1.186.893.688.723
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.394.351.965.073	1.445.851.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.458.978.741.100	2.138.293.352.972
Phải thu về cho vay	3.085.000.000.000	2.350.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	754.263.176.895	1.083.303.307.854
Tổng cộng	8.406.462.616.298	8.204.342.314.622
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	436.088.555.280	586.651.100.663
Chi phí phải trả	38.043.658.963	66.538.444.329
Tổng cộng	4.834.227.261.890	5.062.302.588.659

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật (JPY)	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng một khoản là 436.009.504.765 VND (năm 2014: 440.911.304.367 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.868.733.230	-	-	713.868.733.230
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.394.351.965.073	-	-	2.394.351.965.073
Phải thu khách hàng và Phải thu về cho vay	1.458.978.741.100 735.000.000.000	- 2.000.000.000.000	- 350.000.000.000	1.458.978.741.100 3.085.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	114.075.981.250	640.187.195.645	754.263.176.895
Tổng cộng	5.302.199.439.403	2.114.075.981.250	990.187.195.645	8.406.462.616.298
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	348.807.603.594	1.395.230.414.376	2.616.057.029.677	4.360.095.047.647
Phải trả người bán và Chi phí phải trả	436.088.555.280 38.043.658.963	- -	- -	436.088.555.280 38.043.658.963
Tổng cộng	822.939.817.837	1.395.230.414.376	2.616.057.029.677	4.834.227.261.890
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.479.259.621.566	718.845.566.874	(1.625.869.834.032)	3.572.235.354.408

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.186.893.688.723	-	-	1.186.893.688.723
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.445.851.965.073	-	-	1.445.851.965.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.138.293.352.972	-	-	2.138.293.352.972
Phải thu về cho vay	2.000.000.000.000	-	350.000.000.000	2.350.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	118.151.962.500	965.151.345.354	1.083.303.307.854
Tổng cộng	6.771.039.006.768	118.151.962.500	1.315.151.345.354	8.204.342.314.622
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	326.600.968.547	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	4.409.113.043.667
Phải trả người bán và phải trả khác	586.651.100.663	-	-	586.651.100.663
Chi phí phải trả	66.538.444.329	-	-	66.538.444.329
Công nợ tài chính khác	-	-	-	-
Tổng cộng	979.790.513.539	1.306.403.874.188	2.776.108.200.932	5.062.302.588.659
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.791.248.493.229	(1.188.251.911.688)	(1.460.956.855.578)	3.142.039.725.963

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh mục các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm:*

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	7.527.230.631.930	7.403.368.716.131
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	23.928.319.465	10.302.022.916
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	59.700.322.531	27.278.746.710
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	24.630.309.593	16.667.433.296
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.508.776.448	3.871.594.530
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	307.936.012
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	78.360.000	77.280.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	212.798.182	113.980.455
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	379.796.632.147	379.796.632.147
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	120.228.756.089	138.841.465.702
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	191.851.388.889	216.332.416.667
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	77.910.000.000	71.417.500.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương, thu nhập Ban Giám đốc	2.109.480.000	1.940.312.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.293.207.995.747	2.014.308.455.825
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	15.666.213.084	4.890.109.040
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	12.532.916.110	2.963.008.038
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	43.599.380.217	8.134.419.259
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.360.095.047.647	4.409.113.043.667
Đầu tư tài chính		
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Phát điện 2	735.000.000.000	2.000.000.000.000
Phải thu cho vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.350.000.000.000	350.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại và trình bày lại cho mục đích so sánh với số liệu tương ứng của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	3.445.851.965.073	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.445.851.965.073	Phân loại lại và đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	2.141.587.608.472	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.141.587.608.472	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	509.429.422	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	509.429.422	Đổi tên
Không trình bày			4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.000.000.000.000	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	135	299.054.771	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	857.722.580	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	558.667.809	6. Tài sản ngắn hạn khác	155		- Phân loại lại
Không trình bày			7. Phải thu về cho vay dài hạn	215	350.000.000.000	Phân loại lại
Không trình bày			8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1.087.136.197.991	Phân loại lại
6. Đầu tư dài hạn khác	258	1.555.288.160.491	10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	118.151.962.500	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Phải trả người bán	312	326.132.997.619	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	326.132.997.619	Đổi tên
3. Người mua trả tiền trước	313	162.756.018	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	162.756.018	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	308.136.084.547	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	308.136.084.547	Đổi tên
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	260.518.103.044	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	260.518.103.044	Đổi tên
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	326.600.968.547	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	326.600.968.547	Đổi tên
6. Vay và nợ dài hạn	334	4.082.512.075.120	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.082.512.075.120	Đổi tên
7. Vốn điều lệ	411	3.262.350.000.000	7. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.262.350.000.000	Đổi tên
8. Quỹ đầu tư phát triển	417	367.455.968.956	4. Quỹ đầu tư phát triển	418	481.135.503.956	Phân loại lại
9. Quỹ dự phòng tài chính	418	113.679.535.000	Không trình bày			- Phân loại lại
III. Kết quả hoạt động kinh doanh			III. Kết quả hoạt động kinh doanh			
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2014 3.284	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2014 3.115	Tính toán lại



Nguyễn Quang Huy
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc